

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

Chuyên ngành: Lý luận và PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt

Định hướng: Ứng dụng

Mã số chuyên ngành: 914 0111

Thanh Hóa, tháng 12 năm 2022

Số: 3248/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 12/12/2022 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt;

Căn cứ Biên bản tổng họp ngày 30/12/2022 về kết quả xin ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt, Mã số: 9140111, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 2 năm 2022 (có văn bản Chương trình đào tạo, Bản mô tả Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trường khoa, Trường Bộ môn quản lý chuyên ngành tiến sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo đúng Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Khoa học xã hội, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng Trường;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTSDH *[Chữ ký]*

HIỆU TRƯỞNG
[Chữ ký]
★ Bùi Văn Dũng

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Ban hành theo Quyết định số ~~3248~~ **3248** QĐ-ĐHHD, ngày **30** tháng **12** năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Theories and Methods of teaching literature – Vietnamese
Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo	9140111
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình	Ngữ văn
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo	36-60 tháng
Hình thức đào tạo	- Chính quy - Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng
Số tín chỉ yêu cầu	- 90 tín chỉ đối với người học có bằng thạc sĩ - 120 tín chỉ đối với người học có bằng đại học.
Điều kiện tốt nghiệp	Hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	- Tiếng Việt: Tiến sĩ Giáo dục học (Lý luận và PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt) - Tiếng Anh: Doctor of Education (Doctor of Theories and Methods of teaching literature – Vietnamese)
Vị trí làm việc	NCS tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt có thể đảm đương các vị trí công tác như sau: * Nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn; Nghiên cứu viên; Trưởng nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo dự án...v.v. * Lãnh đạo, quản lý, giảng dạy, chuyên viên, tư vấn viên trong các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục phổ thông: trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung tâm, trường phổ thông, trường liên cấp, trường thực hành...v.v. * Lãnh đạo, chuyên viên, tư vấn viên trong các cơ quan quản lý giáo dục: Bộ giáo dục, Vụ giáo dục, Viện nghiên cứu, Sở Giáo dục, Phòng giáo dục, Trung tâm giáo dục,...v.v. * Lãnh đạo, Tổng biên tập, Biên tập viên, chuyên viên trong các cơ quan xuất bản, in ấn, truyền thông về giáo dục.

Khả năng học tập nâng cao trình độ	- Sau Tiến sĩ (PostDoc)
Chương trình tham khảo	<p>- Trường ĐH Hồng Đức, Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phê duyệt 2017.</p> <p>- Trường ĐHSP Hà Nội, Khung CTĐT Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn truy cập: http://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/7Khoa-Ngu-van-(Roi)-637812760830760667.pdf</p> <p>- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, nguồn truy cập: Nguồn truy cập: http://vnies.edu.vn/upload/Boiduong/Dao%20tao%20TS%202016/LLPPDHBM%20VAN.pdf</p> <p>- University of Michigan, PhD in Education Degree, https://soe.umich.edu/academics-admissions/degrees/doctoral/teaching-and-teacher-education</p>

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt giúp nghiên cứu sinh có phẩm chất và năng lực của một chuyên gia, có trình độ tiến sĩ về lý thuyết và ứng dụng khoa học giáo dục Ngữ văn; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học giáo dục Ngữ văn; có năng lực tổ chức, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phổ biến kiến thức về khoa học giáo dục Ngữ văn; có năng lực chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, đất nước và hội nhập quốc tế.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

PO1: Tiến sĩ ngành Giáo dục học, chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí chuyên gia về lĩnh vực lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt; có kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học giáo dục; có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong khoa học giáo dục Ngữ văn, làm giàu tri thức về khoa học giáo dục Ngữ văn.

Về kĩ năng:

PO2: Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển lí luận dạy học Ngữ văn; có kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức về chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá môn học Ngữ văn; có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học giáo dục Ngữ văn

và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo; có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế và phổ biến các kết quả nghiên cứu về lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.

Tự chủ và trách nhiệm:

PO3: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới; Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau; Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác; Phản biện, ra quyết định mang tính chuyên gia; Nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên môn, nghiệp vụ.

2.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
I	Kiến thức		
PLO1	Có kiến thức của một chuyên gia về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn; kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học, quản lí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.	PI1.1	Có kiến thức của một chuyên gia về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn.
		PI1.2	Có kiến thức về quản lí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong giáo dục Ngữ văn.
PLO2	Có hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của một chuyên gia về giáo dục nói chung, lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn nói riêng.	PI2.1	Có kiến thức về các nguyên lí giáo dục và lí thuyết học tập hiện đại
		PI2.2	Có hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của một chuyên gia về phát triển chương trình giáo dục môn Ngữ văn.
		PI2.3	Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu của một chuyên gia về phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn theo quan điểm phát triển năng lực.
II	Kĩ năng		
PLO3	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.	PI3.1	Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu khoa học giáo dục.
		PI3.2	Có kỹ năng làm chủ các lý luận dạy học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu phát triển giáo dục Ngữ văn.
PLO4	Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức khoa học giáo dục Ngữ văn.	PI4.1	Có kỹ năng tổng hợp tri thức khoa học giáo dục Ngữ văn.
		PI4.2	Có kỹ năng làm giàu và bổ sung tri thức khoa học giáo dục Ngữ văn.
PLO5	Kỹ năng phản biện, suy luận, phân tích và phán quyết các vấn đề khoa học giáo dục Ngữ văn; đưa ra	PI5.1	Có kỹ năng phản biện, suy luận, phân tích và phán quyết các vấn đề giáo dục Ngữ văn.

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
	những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.	PI5.2	Có kỹ năng đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong giáo dục Ngữ văn.
PLO6	Kỹ năng tổ chức, quản lý chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.	PI6.1	Có kỹ năng tổ chức chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.
		PI6.2	Có kỹ năng quản lý chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.
PLO7	Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.	PI7.1	Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu của khoa học Giáo dục Ngữ văn.
		PI7.2	Tham gia phổ biến các kết quả nghiên cứu.
III	Tự chủ và trách nhiệm		
PLO8	Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới về giáo dục Ngữ văn.	PI8.1	Nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn
		PI8.2	Sáng tạo tri thức mới về khoa học giáo dục Ngữ văn.
PLO9	Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới, ra quyết định mang tính chuyên gia về giáo dục Ngữ văn trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.	PI9.1	Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới về giáo dục Ngữ văn trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
		PI9.2	Đưa ra các quyết định mang tính chuyên gia về giáo dục Ngữ văn trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
PLO10	Thích ứng, tự định hướng, dẫn dắt những người khác nghiên cứu, giảng dạy, quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc phát triển tri thức và sáng tạo ra ý tưởng mới về giáo dục Ngữ văn.	PI10.1	Thích ứng, tự định hướng nghiên cứu, giảng dạy trong việc phát triển tri thức và sáng tạo ra ý tưởng mới về giáo dục Ngữ văn.
		PI10.2	Dẫn dắt những người khác nghiên cứu, giảng dạy, quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc phát triển tri thức và sáng tạo ra ý tưởng mới về giáo dục Ngữ văn.

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo gồm 3 phần

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức đối với đầu vào có bằng tốt nghiệp đại học và bằng thạc sĩ ngành gần, ngành phù hợp.		
	a) Các học phần bổ sung kiến thức đối với đầu vào có bằng tốt nghiệp đại học.	Học phần bắt buộc	14tc
		Học phần tự chọn	16tc
	b) Các học phần bổ sung kiến thức đối với đầu vào có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần, ngành phù hợp.	Học phần bắt buộc	11tc
Học phần tự chọn		0tc	
2	Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan		
	a) Các học phần ở trình độ tiến sĩ	Học phần bắt buộc	07tc
		Học phần tự chọn	03tc
	b) Các chuyên đề tiến sĩ	Chuyên đề 1	02tc
		Chuyên đề 2	02tc
		Chuyên đề 3	02tc
Tiểu luận tổng quan	Tiểu luận	02tc	
3	Phần 3: Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Luận án	72tc
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:			90tc;
120tc			
Trong đó, - 90 tín chỉ đối với người học có bằng thạc sĩ			
- 120 tín chỉ đối với người học có bằng đại học.			

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

T T	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học		
Phần 1. Các học phần bổ sung									
1. 1	<i>Đối với NCS có bằng Cử nhân ngành đúng, ngành phù hợp (học bổ sung tối thiểu 30tc theo CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành và thực hiện theo CTĐT thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức).</i>		30					1 2	Ngữ văn
1. 2	<i>Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần</i>		<i>Căn cứ vào bảng điểm thạc sĩ của NCS, Nhà trường yêu cầu học bổ sung các học phần trong số các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức.</i>				1 2	Ngữ văn	
III	Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan		18						Ngữ văn
I	<i>Các học phần ở trình độ tiến sĩ</i>		10						
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		7						
1	1PV241	Phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho học sinh qua dạy học văn	4	36	24	24	18 0	3	Ngữ văn
2	1PV242	Một số lí thuyết học tập hiện đại trong dạy học phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản ở trường phổ thông	3	27	18	18	13 5	3	Ngữ văn
	<i>Học phần tự chọn: chọn 1 trong 5 học phần sau</i>		3						
3	1PV243	Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	3	27	18	18	13 5	3	Ngữ văn
4	1PV244	Một số lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại với việc đổi mới	3	27	18	18	13 5	3	Ngữ văn

T T	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học		
		phương pháp dạy học văn ở nhà trường phổ thông							
5	1PV245	Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào dạy học tiếng Việt ở phổ thông	3	27	18	18	13 5	3	Ngữ văn
6	1PV246	Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm cho học sinh qua dạy học văn	3	27	18	18	13 5	3	Ngữ văn
7	1PV247	Công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	3	27	18	18	13 5	3	Ngữ văn
	Tiểu luận tổng quan		2					3	Ngữ văn
	Các chuyên đề tiến sĩ (Danh mục các chuyên đề khuyến khích mở theo nội dung của đề tài luận án)		6						Ngữ văn
	1NVC22	Chuyên đề 1 (bắt buộc): Phương pháp định tính và phương pháp định lượng trong nghiên cứu giáo dục	2					4	Ngữ văn
	1NVC19	Chuyên đề 2 (tự chọn)	2					4	Ngữ văn
	1NVC21	Chuyên đề 3 (tự chọn)	2					4	Ngữ văn
	Phần 3: Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ (LATS)		72					5-8	Ngữ văn
	Tổng cộng:		90						

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên: Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với Điều 10. *Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.*

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư	0	0	0
Phó giáo sư	3	3	6
Tiến sỹ	3	8	11
Thạc sỹ	0	0	0
Đại học	0	0	0

4.2. Phòng học:

Phòng học chuyên ngành

Phòng học đa năng trang bị bàn ghế, máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác đạt tiêu chuẩn cho 1 lớp học từ 30 đến 35 học viên.

Phòng seminar

Đáp ứng tốt yêu cầu sinh hoạt, hội thảo khoa học chuyên ngành cho 50 học viên; có đầy đủ phương tiện hiện đại như Projector, Overheat, bảng, bàn ghế, nối mạng, máy tính.

Phòng cho học viên tự nghiên cứu

Phòng 30m², trang bị 20 bộ bàn ghế, 1 bảng, 20 máy tính nối mạng Internet, 1 tủ sách và tạp chí chuyên ngành phục vụ cho học viên có thể tự học, tìm tài liệu học tập và tự nghiên cứu.

Phòng học tiếng (LAB)

Đáp ứng yêu cầu cho học viên học tập ngoại ngữ đạt trình độ chuẩn quốc tế, được nối mạng phục vụ cho các kỳ thi tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế. Số phòng LAB: 3 phòng (đặt tại Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm Giáo dục Quốc tế).

4.3. Thư viện:

Nhà trường có 1 trung tâm thư viện hiện đại gồm 5 tầng với diện tích sử dụng trên 4000m², có 3 phòng đọc lớn với 600 chỗ ngồi dành cho bạn đọc, có đầy đủ phương tiện phục vụ học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành.

- Thư viện được thiết kế theo mô hình thư viện mở. Tại mỗi phòng đọc đều có đầy đủ sách, tài liệu, máy vi tính kết nối truy cập internet.

- Có 06 phòng học nhóm (tầng 2, 3) đáp ứng nhu cầu riêng của giảng viên hay cho từng nhóm bạn đọc. Trong các phòng học nhóm có bảng từ, máy chiếu, màn chiếu và thiết bị âm thanh.

- Thư viện có phòng dành riêng cho bạn đọc là học viên thạc sỹ và nghiên cứu sinh.

- 01 phòng bảo vệ luận văn, 01 phòng họp trực tuyến, 01 phòng mở chuyên tổ chức sự kiện, triển lãm sách.

- Hệ thống mạng LAN kết nối internet tốc độ cao với 120 máy tính phục vụ tra cứu.

- Thư viện hiện có 165.517 bản sách và tài liệu với 15.927 đầu sách. Trên 3000 luận án, luận văn đã được số hóa và cập nhật lưu trữ trên cơ sở dữ liệu tài nguyên số của phần mềm Libol 6.0.

- Thư viện được kết nối chia sẻ sử dụng tài liệu số của dự án thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở Giáo dục Đại học ở Việt Nam khối các trường Kinh tế do Ngân hàng Thế giới (Worldbank) tài trợ.

- Trên Website Thư viện đã tích hợp thư viện số với trên 1,4 triệu tài liệu đã mua bản quyền truy cập. (*thuvienso.hdu.edu.vn*)

4.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan: Liệt kê các địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan để thực hiện chương trình.

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Trường Tiểu học, THCS và THPT Hồng Đức
2	99 trường THPT và 600 trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
3	24 Trung tâm GDTX-GDNN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

V. Đề cương học phần

Phần 1: Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung thực hiện Đề cương học phần theo Chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức.

Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1PV241. Phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho học sinh qua dạy học văn

2. Mã học phần: PPTD 601

3. Tên tiếng Anh: *Developing students' critical and creative thinking through teaching literature*

4. Khối lượng: 4TC (Lí thuyết: 36 giờ; TH: 24 giờ; Bài tập/Thảo luận: 24 giờ, 180 tự học)

5. Giáo viên phụ trách: PGS.TS Hoàng Thị Mai

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt

7. Mục tiêu của học phần:

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức cơ bản, khái quát về các loại hình tư duy; đặc trưng, bản chất của các loại hình tư duy bậc cao; vai trò, khả năng và cách thức phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn. từ đó, NCS có thể vận dụng vào việc phát triển lí thuyết phương pháp dạy học Văn, nâng cao kĩ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Nhận diện được các loại hình tư duy; phân tích, so sánh được đặc trưng, bản chất của 2 loại hình tư duy bậc cao là tư duy phê phán và tư duy sáng tạo; lí giải được vai trò, khả năng phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua hoạt động dạy văn, học văn.

- Vận dụng các loại hình tư duy vào việc phát triển lí thuyết phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

- Nâng cao kĩ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường.

8. Nội dung tóm tắt:

Học phần nghiên cứu khái quát về các loại hình tư duy; nghiên cứu đặc trưng, bản chất của 2 loại hình tư duy bậc cao, xét theo cách thức vận hành là tư duy phê phán và tư duy sáng tạo; nghiên cứu vai trò, khả năng phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua hoạt động học văn; nghiên cứu cách thức, biện pháp phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

10. Nội dung chi tiết chuyên đề:

Chương 1: Tư duy và phân loại tư duy

- 1.1. Khái niệm tư duy
- 1.2. Phân loại tư duy
 - 1.2.1. Phân loại tư duy theo lĩnh vực nội dung
 - 1.2.2. Phân loại tư duy theo phương thức thể hiện
 - 1.2.3. Phân loại tư duy theo cách thức vận hành

Nội dung thực hành:

- Các loại tư duy bậc cao xét theo cách thức vận hành và mối quan hệ giữa chúng? Minh họa từ thực tế dạy văn, học văn.

Chương 2: Tư duy phê phán và rèn luyện tư duy phê phán cho HS qua dạy học Văn

- 2.1. Khái niệm tư duy phê phán
- 2.2. Đặc trưng, cấu trúc của tư duy phê phán
- 2.3. Vai trò của tư duy phê phán
- 2.4. Thực trạng tư duy phê phán của HS trong hoạt động đọc văn, học văn
- 2.5. Khả năng phát triển tư duy phê phán cho HS qua dạy học văn
- 2.6. Rèn luyện tư duy phê phán cho HS qua dạy học văn
 - 2.6.1. Rèn kĩ năng phát hiện vấn đề và đặt câu hỏi
 - 2.6.2. Rèn kĩ năng lựa chọn thông tin để giải quyết vấn đề
 - 2.6.3. Rèn kĩ năng tìm kiếm các giải pháp khác nhau để giải quyết vấn đề
 - 2.6.4. Rèn kĩ năng kiểm chứng tính đúng đắn/sự thành kiến, sai lầm khi xem xét vấn đề
 - 2.6.5. Rèn kĩ năng hiệu chỉnh cách giải quyết vấn đề khi cần thiết

Nội dung thực hành:

- Đặc trưng của một người có tư duy phê phán tốt?
- Thiết kế một hệ thống câu hỏi, bài tập phát triển tư duy phê phán cho học sinh khi dạy học một văn bản trong chương trình *Ngữ văn*.

ab

Chương 3 Tư duy sáng tạo và rèn luyện tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học Văn

- 2.1. Khái niệm tư duy sáng tạo
- 2.2. Đặc trưng, cấu trúc của tư duy sáng tạo
- 2.3. Vai trò của tư duy sáng tạo
- 2.4. Thực trạng tư duy sáng tạo của HS trong hoạt động đọc văn, học văn
- 2.5. Khả năng phát triển tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn
- 2.6. Rèn luyện tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn
 - 2.6.1. Rèn kỹ năng “đồng sáng tạo” cùng tác giả
 - 2.6.2. Rèn kỹ năng sản sinh các ý tưởng mới

Nội dung thực hành:

- Đặc trưng của một người có tư duy sáng tạo tốt?
- Thiết kế một hệ thống câu hỏi, bài tập phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh khi dạy học một văn bản trong chương trình *Ngữ văn*.

11. Học liệu

*** Học liệu bắt buộc**

1. Hibino Chozo (2009), *Tư duy đột phá*, Nxb Trẻ
2. Howard Gardner (2012), *Cơ cấu trí khôn*, Nxb Tri thức
3. C. Rose, M. J. Nicholl (2008): *Kỹ năng học tập siêu tốc thế kỉ XXI*, NXB Tri thức Hà Nội.

*** Học liệu tham khảo:**

1. Hoàng Thị Mai (2013), *Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên qua hoạt động nghiên cứu, phê bình và tiếp nhận văn học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 92, tháng 5-2013, tr.20-23.
2. Hoàng Thị Mai (2013), *Tư duy phê phán và tư duy sáng tạo trong cảm thụ văn chương ở nhà trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục số 311, Kì 1 tháng 6/2013
3. Michael J. Gelb (2014), *Tư duy như Leonardo da Vinci*, Nxb Lao động Xã hội, Scott Thorpe (2012), *Tư duy như Einstein*, Nxb Lao động Xã hội
4. Chi-An Tung, Shu-Jing Chang (2009), *Developing critical thinking through literature reading* (p.292 – Feng Chia Feng Chia Journal of Humanities and Social Sciences, No 19, Dec. 2009.
5. Facione, P.A, (2011), *Think Critically*, Pearson Education: Englewood Cliffs, NJ.
6. A. Fisher (2001): *Critical thinking – An introduction*, Cambridge University Press.

1PV242. Một số lý thuyết học tập hiện đại trong dạy học phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản ở trường phổ thông/Some modern learning theories in teaching to develop the reading comprehension and text creation in high schools

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết, 18 Thảo luận, 18 Thực hành, Tự học 135)
- Mã học phần: HPCL19
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Sau các học phần bổ sung kiến thức

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần nghiên cứu khái quát một số lí thuyết học tập hiện đại gồm bản chất, đặc trưng, cách thức vận hành và khả năng ứng dụng các lí thuyết học tập hiện đại vào dạy học đọc hiểu văn bản, tạo lập văn bản ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực môn Ngữ văn. Nghiên cứu làm phong phú, làm sáng tỏ kiến thức về các nguyên tắc, biện pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản và viết văn bản cho học sinh theo quan điểm của một số lí thuyết học tập hiện đại.

Năng lực đạt được:

Học phần phát triển năng lực nhận thức về một số lí thuyết học tập hiện đại có khả năng vận dụng vào dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản của học sinh phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực môn Ngữ văn; vận dụng các lí thuyết học tập hiện đại đó vào việc phát triển các biện pháp, cách thức dạy học đọc hiểu văn bản và dạy viết văn bản môn Ngữ văn ở vị trí chuyên gia đồng thời phát triển năng lực giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn ở các nhà trường phổ thông và sư phạm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phân tích được 1 số lí thuyết học tập hiện đại và lí giải khả năng vận dụng vào việc phát triển biện pháp, cách thức dạy học đọc hiểu văn bản, viết văn bản môn Ngữ văn.

- CO2: Vận dụng các lí thuyết học tập hiện đại vào việc đưa ra các chiến thuật dạy học đọc hiểu văn bản, viết văn bản theo định hướng phát triển năng lực môn Ngữ văn của CTGDPT 2018.

- CO3: Bồi dưỡng phẩm chất của một chuyên gia như tinh thần học tập sáng tạo, nghiên cứu khoa học nghiêm túc và có trách nhiệm phổ biến kiến thức mới.

3. Chuẩn đầu ra của HP:

- CLO1: Phân tích bản chất, đặc trưng, cách thức vận hành và khả năng ứng dụng một số lí thuyết học tập hiện đại vào việc dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản của học sinh ở trường phổ thông và sư phạm.

- CLO2: Phân tích, hệ thống hóa những yêu cầu đổi mới dạy học đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản trong chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn 2018 theo quan điểm của một số lí thuyết học tập hiện đại.

- CLO3: Xây dựng, mô tả được các chiến thuật dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, tạo lập văn bản của học sinh theo quan điểm của các lí thuyết học tập hiện đại.

- CLO4: Có năng lực nghiên cứu bổ sung tri thức mới về phương pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản ở mức độ chuyên sâu trong các trường phổ thông, sư phạm.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Lí thuyết kiến tạo và dạy học phát triển năng lực kiến tạo kiến thức của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản, tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông

[17 tiết (LT5, TH6, TL6)]

1. Khái niệm lí thuyết kiến tạo
2. Đặc điểm của học tập theo lí thuyết kiến tạo
3. Quan điểm về chương trình dạy học của thuyết kiến tạo

4. Thực trạng năng lực kiến tạo kiến thức của học sinh trong dạy học đọc hiểu VB và tạo lập văn bản ở trường phổ thông

5. Phát triển năng lực kiến tạo kiến thức của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản ở phổ thông

6. Phát triển năng lực kiến tạo kiến thức của học sinh trong dạy học tạo lập văn bản ở phổ thông

Chương 2: Lí thuyết giao tiếp và dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông theo quan điểm của lí thuyết giao tiếp

[22 tiết (LT10, TH6, TL6)]

1. Khái niệm

2. Đặc điểm của lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ

3. Quan điểm về chương trình dạy học của lí thuyết giao tiếp

4. Thực trạng năng lực đọc hiểu văn bản và viết văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông

5. Chiến thuật dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản của học sinh theo quan điểm của lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ

6. Chiến thuật dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS phổ thông theo quan điểm của lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ

Chương 3: Lí thuyết học tập trải nghiệm và dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, tạo lập văn bản ở trường phổ thông theo quan điểm học trải nghiệm

[24 tiết (LT12, TH6, TL6)]

1. Khái niệm học tập trải nghiệm (Experiential learning)

2. Đặc điểm của lí thuyết học trải nghiệm

3. Quan điểm về chương trình dạy học của lí thuyết học trải nghiệm

4. Thực trạng hoạt động trải nghiệm của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản ở trường phổ thông.

5. Chiến thuật phát triển trải nghiệm của HS trong dạy học đọc hiểu văn bản

6. Chiến thuật phát triển trải nghiệm của HS trong dạy học viết văn bản

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X
Hướng dẫn			X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	
Nghiên cứu tình huống			X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-4	30%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra chuyên cần				
	Viết (bài tiểu luận)	Đề thi, Rubric 5	CLO2 CLO3	20%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm: 10,0 điểm				100%

(xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với NCS

NCS phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học**Học liệu bắt buộc**

- Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014), Lí luận dạy học hiện đại – cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, Nxb Đại học sư phạm
- Nguyễn Quốc Siêu (2005), Kỹ năng làm văn nghị luận, Nxb Giáo dục
- Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên), Đỗ Thị Thu Hương (chủ biên), Đỗ Thị Hiền, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Trần Thị Hạnh Phương, Lê Thị Thùy Vinh (2022), Văn bản: Đọc hiểu và tạo lập, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Học liệu tham khảo

- Albert Rutheford (2021), Rèn luyện tư duy phản biện, Nxb Phụ nữ Việt Nam.
- IU. M. Lotman (2007), Cấu trúc văn bản nghệ thuật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), Đỗ Ngọc Thống, Lưu Đức Hạnh (1994), Muốn viết được bài văn hay, Nxb Giáo dục.

4. Travis Elboruogh Helen Gordon Mìn dịch (2020), Để trở thành người viết, Nxb Thế giới.

**1PV243. Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam/
Develop the curriculum of Philology at Hight school in Viet Nam**

2. Mã học phần: HPCT20

4. Khối lượng: 2 Tín chỉ (Lý thuyết: 25 giờ, Bài tập/ Thảo luận: 10 giờ)

5. Giảng viên phụ trách: PGS. TS. Lê Thị Phương; PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống; TS. Phạm Thị Anh

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Văn – Tiếng Việt)

7. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học. Trên cơ sở phân tích nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử; quan niệm dạy học văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay, NCS biết vận dụng vào việc phát triển chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.

Chuẩn đầu ra của học phần:

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Phân tích định nghĩa khái niệm chương trình theo các dấu hiệu khác nhau tương ứng với các cách tiếp cận khác nhau về phát triển chương trình;
- So sánh chương trình giáo dục và chương trình môn học
- Vận dụng kiến thức về chương trình để phân tích, nhận xét chương trình môn học hiện hành và cách xây dựng chương trình;
- Phân tích lộ trình phát triển nội dung của môn học Ngữ văn ở phổ thông.

8. Nội dung tóm tắt:

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học. Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Quan niệm dạy học Ngữ văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay. Phát triển chương trình giáo dục và chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.

Chương trình dạy học là một trong 6 thành tố then chốt tạo nên chất lượng hiệu quả giáo dục môn học trong nhà trường. Phát triển chương trình môn học có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình dạy học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội trong từng giai đoạn cụ thể. Phát triển chương trình môn học vì vậy là tiêu chí để đánh giá năng lực dạy học của người giáo viên. Học phần này bao gồm các nội dung chính: Môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học; Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì; Quan niệm dạy học văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay; Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.

9. Đánh giá kết quả

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học

1.1. Đối tượng, phạm vi, cấu trúc và tên môn học

1.2. Chương trình giáo dục và chương trình môn Ngữ văn

1.3. Tổng quát về sự phát triển chương trình giáo dục trong nhà trường phổ thông Việt Nam từ sau năm 1945

Nội dung thực hành:

1. Phân tích định nghĩa khái niệm chương trình theo các dấu hiệu khác nhau tương ứng với các cách tiếp cận khác nhau về phát triển chương trình;

2. So sánh chương trình giáo dục và chương trình môn học

2. Phân tích, nhận xét chương trình môn Ngữ văn ở phổ thông hiện nay;

3. Phân tích các yếu tố cấu thành chương trình môn học Ngữ văn.

Chương 2: Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt

Nam qua các thời kì lịch sử

2.1. Mấy nét về nội dung chương trình học và thi văn trước 1945

2.2. Nhà trường phổ thông Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945

2.3. Chương trình Ngữ văn từ 1945 đến 1954

2.4. Chương trình Việt văn ở miền Nam từ 1955 đến 1975

2.5. CT Ngữ văn ở miền Bắc từ 1955 đến 1975

2.6. CT Ngữ văn ở Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000

2.7. Chương trình Ngữ văn ở Việt Nam từ sau năm 2000

Nội dung thực hành:

1. Phân tích, nhận xét sự kế thừa và đổi mới của nội dung chương trình môn Ngữ văn ở phổ thông qua các thời kì;

2. Phân tích các yếu tố cấu thành chương trình môn học Ngữ văn hiện nay ở phổ thông.

Chương 3: Quan niệm dạy học văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay

3.1. Cơ sở xác định quan niệm dạy học Ngữ văn

3.2. Quan niệm dạy học văn từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay

3.2.1. Quan niệm dạy học văn những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám và cải cách giáo dục lần thứ nhất.

3.2.2. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa đợt cải cách giáo dục lần thứ hai.

3.2.3. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa miền Nam từ 1954 đến 1975

3.2.4. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa đợt CCGD lần thứ ba và đổi mới GD.

3.2.5. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa đợt CCGD lần thứ tư (sau năm 2000).

Nội dung thực hành:

1. So sánh quan niệm dạy học văn ở nhà trường phổ thông qua các thời kì cải cách giáo dục ở Việt Nam; Chú ý lập luận cơ sở của sự thay đổi đó.

2. Phân tích mối liên hệ giữa quan niệm dạy học văn với các thành tố của quá trình dạy học.

3. Phân tích sự thể hiện của quan niệm dạy học văn qua tên gọi môn học, tên tác phẩm văn học hoặc văn bản đọc hiểu.

Chương 4: Phát triển chương trình GD và chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới

- 4.1. Bối cảnh đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế
- 4.2. Xu thế phát triển chương trình giáo dục phổ thông
- 4.3. Phát triển chương trình Ngữ văn trong bối cảnh mới

Nội dung thực hành:

1. Phân tích gia tốc phát triển ở đối tượng người học
2. Phân tích chương trình môn học theo hướng tiếp cận năng lực người học
3. Phân tích các năng lực chung và năng lực đặc thù của người học được hình thành và phát triển qua môn Ngữ văn
4. Phân tích chương trình môn học Ngữ văn theo hướng tích hợp.

11. Học liệu

Học liệu bắt buộc:

1. Đỗ Ngọc Thống (2011), Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục
2. Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên), Hứa Hoàng Anh – Nguyễn Văn Anh cùng nhiều tác giả (2020), *Quản lý và lãnh đạo Nhà trường*, Nxb Đại học sư phạm.

Học liệu tham khảo:

1. Giselle O.Martin-Kniep (2013), Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. GS.TS Nguyễn Đức Chính (chủ biên), TS Vũ Lan Hương (2017), Phát triển chương trình giáo dục, Nxb Giáo dục
3. Đinh Quang Báo (chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nxb ĐH sư phạm.

1PV244. MỘT SỐ LÝ THUYẾT PHÊ BÌNH VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI VỚI VIỆC ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Tên học phần: Một số lý thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại với việc đổi mới phương pháp dạy học Văn ở nhà trường phổ thông

2. Mã học phần: PPPB 608

3. Tên tiếng Anh: *Some of modern Western literary theories and innovating methodology of teaching literature at schools*

4. Khối lượng: 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

5. Giáo viên phụ trách: PGS.TS Hoàng Thị Mai

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt

7. Mục tiêu của chuyên đề:

Chuyên đề trang bị cho NCS những kiến thức hệ thống, chuyên sâu về quan điểm, nội dung cơ bản, ý nghĩa phương pháp luận của một số lý thuyết văn học phương Tây hiện đại như:

Phân tâm học, Cấu trúc luận, Kí hiệu học, Hậu cấu trúc luận; định hướng cho NCS xác định quan điểm, nội dung, cách thức vận dụng phù hợp các luận điểm của các lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong chuyên đề này, NCS có khả năng:

- Phân tích, đánh giá được quan điểm, nội dung cơ bản, ý nghĩa phương pháp luận của một số lí thuyết văn học phương Tây đại diện cho 3 xu hướng chính gồm: Xu hướng phê bình hướng về tác giả (Phân tâm học), xu hướng phê bình hướng về văn bản (Cấu trúc luận, Kí hiệu học), xu hướng phê bình hướng về người đọc (Hậu cấu trúc luận)....

- Vận dụng các luận điểm khoa học, phù hợp của các lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và bổ sung, hoàn thiện hóa lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

- Kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường tiếp tục được hoàn thiện.

8. Nội dung tóm tắt:

Chuyên đề nghiên cứu khái quát về quan điểm, nội dung cơ bản, ý nghĩa phương pháp luận của một số lí thuyết văn học phương Tây hiện đại như: Phân tâm học, Cấu trúc luận, Kí hiệu học, Hậu cấu trúc luận; từ đó đề xuất quan điểm, nội dung, cách thức vận dụng các luận điểm phù hợp của các lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

10. Nội dung chi tiết chuyên đề:

Chương 1: Phân tâm học với việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học

1.1. Khái quát chung về Phân tâm học

1.1.1. Nền tảng lí luận

1.1.2. Đại diện tiêu biểu

1.1.3. Lịch sử và ảnh hưởng

1.1.4. Tư tưởng cơ bản của Phân tâm học

1.1.4.1. Cấu trúc nhân tính của con người

1.1.4.2. Cơ chế tự vệ

1.2. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Phân tâm học

1.2.1. Quan niệm về tác giả và hoạt động sáng tạo

1.2.2. Quan niệm về tác phẩm và hoạt động đọc

1.2.3. Những luận điểm cực đoan của Phân tâm học

1.3. Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn

học

1.3.1. Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm văn học

1.3.2. Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học văn
Nội dung thực hành:

- Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu và giảng dạy một tác phẩm văn học cụ thể.

Chương 2: Cấu trúc luận và Kí hiệu học với việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học

1.1. Khái quát chung về Cấu trúc luận và Kí hiệu học

1.1.1. Nền tảng lí luận

1.1.2. Đại diện tiêu biểu

1.1.3. Lịch sử và ảnh hưởng

1.1.4. Tư tưởng cơ bản của Cấu trúc luận và Kí hiệu học

1.2. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Cấu trúc luận

1.2.1. Quan niệm về tác giả và hoạt động sáng tạo

1.2.2. Quan niệm về tác phẩm và hoạt động đọc

1.3. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Kí hiệu học

1.3.1. Quan niệm về tác giả và hoạt động sáng tạo

1.3.2. Quan niệm về tác phẩm và hoạt động đọc

1.4. Những luận điểm cực đoan của Cấu trúc luận và Kí hiệu học

1.5. Vận dụng lí thuyết của Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu, phê bình

và giảng dạy văn học

1.3.1. Vận dụng lí thuyết của Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm văn học

1.3.2. Vận dụng lí thuyết của Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học văn

Nội dung thực hành:

- Vận dụng Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu và giảng dạy một tác phẩm văn học cụ thể.

Chương 3: Hậu cấu trúc luận với việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học

1.1. Khái quát chung về Hậu cấu trúc luận

1.1.1. Nền tảng lí luận

1.1.2. Đại diện tiêu biểu

1.1.3. Lịch sử và ảnh hưởng

1.1.4. Tư tưởng cơ bản của Hậu cấu trúc luận

1.2. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Hậu cấu trúc luận

1.2.1. Quan niệm về vai trò, vị thế của tác giả trong việc tạo nghĩa cho văn bản

1.2.2. Quan niệm về vai trò, vị thế của văn bản

1.2.3. Quan niệm về vai trò, vị thế của người đọc trong việc tạo nghĩa cho VB.

1.3. Những luận điểm cực đoan của Hậu cấu trúc luận

1.4. Vận dụng lí thuyết của Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu, phê bình và giảng

dạy văn học

1.4.1. Vận dụng lí thuyết của Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm văn học

1.4.2. Vận dụng lí thuyết của Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học văn

Nội dung thực hành:

- Vận dụng Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu và giảng dạy một tác phẩm văn học cụ thể.

11. Tài liệu tham khảo chính

1. Antoine Compagnon (2006), *Bản mệnh của lí thuyết văn chương và cảm nghĩ thông thường*, NXB ĐHSP Hà Nội.
2. Chevalier Jean, Gheerbrant Alain (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng & Trường viết văn Nguyễn Du.
3. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, NXB KHXH.
4. Trịnh Bá Đĩnh (2010), *Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học*, Nxb. Hội Nhà văn.
5. Jean Bellemin-Noël (1978), *Phân tâm học và văn học*, Psychanalyse et littérature PUF, Paris, 1978, Đỗ Lai Thúy dịch. Nguồn: phebinhvanhoc.com.vn
6. Iu. M. Lotman (2015), *Kí hiệu học văn hóa*, Lã Nguyên, Đỗ Hải Phong, Trần Đình Sử dịch, Nxb ĐHQG Hà Nội.
7. Roland Barther (1998), *Độ không của lối viết* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
8. Phương Lưu (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Sigmund Freud (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nguyễn Xuân Hiến dịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Terence Hawkes, *Khoa học về các ký hiệu*, Đinh Hồng Hải dịch.

Nguồn: phebinhvanhoc.com.vn

1PV245. Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào dạy học tiếng Việt ở phổ thông

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: PPBT6011
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngữ văn, khoa Khoa học xã hội
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu chuyên sâu một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại từ cuối thế kỉ XX cho đến nay có ảnh hưởng, tác động đến việc dạy học tiếng Việt; xu hướng phát triển của ngôn ngữ học hiện đại cũng như Việt ngữ học. Trên cơ sở đó, môn học nghiên cứu cách xây dựng nội dung chương trình tiếng Việt được dạy học ở phổ thông theo hướng vận dụng các cơ sở lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại cũng như cách lựa chọn, xây dựng và sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học phù hợp. Trên cơ sở đó, học phần cũng góp phần mở ra hướng nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt theo hướng ứng dụng liên ngành.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Các tri thức cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại, trong đó tập trung là: ngôn ngữ học miêu tả, ngôn ngữ học đối chiếu, ngữ nghĩa học.

- CO2: Vận dụng những nội dung cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại trong dạy học tiếng Việt, cụ thể là xây dựng chương trình, lựa chọn các biện pháp, cách thức tiếp cận phù hợp.

- CO3: Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về việc dạy học tiếng Việt theo hướng thực hành.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, phân tích được các tri thức lý thuyết liên quan đến nội dung về ngôn ngữ học hiện đại, cụ thể là ngôn ngữ học miêu tả, ngôn ngữ học đối chiếu, ngữ nghĩa học.

- CLO2: Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa về ngôn ngữ học hiện đại và việc xây dựng nội dung dạy học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ của học sinh, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- CLO3: Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào thực tiễn giảng dạy ở phổ thông, phù hợp với các cấp học.

- CLO4: Nâng cao kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại trong dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông

4. Nội dung học phần:

Chương 1: Lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại với việc dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông [19 tiết (LT9, TH5, TL5)]

1.1. Xu hướng phát triển của ngôn ngữ học hiện đại

1.1.1. Chuyển từ “tĩnh” sang “động”

1.1.2. Kết hợp phương pháp quy nạp và suy diễn

1.2. Một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại có ảnh hưởng đến việc dạy học tiếng Việt hiện nay

1.2.1. Ngôn ngữ học đối chiếu

1.2.2. Ngôn ngữ học ứng dụng

1.1.3. Ngữ nghĩa học

Nội dung thực hành:

- Tìm hiểu nội dung của một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại

Chương 2. Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu trong dạy học tiếng Việt [16tiết (LT6, TH5, TL5)]

2.1. Xác định mục tiêu dạy học

2.2. Từ khung chương trình, xây dựng các nội dung dạy học

2.3. Lựa chọn, sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học

Nội dung thực hành:

- Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu trong dạy học một đơn vị kiến thức tiếng Việt cụ thể ở chương trình, sách giáo khoa hiện nay.

Chương 3. Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học ứng dụng trong dạy học tiếng Việt [12 tiết (LT6, TH4, TL4)]

2.1. Xác định mục tiêu dạy học

2.2. Từ khung chương trình, xây dựng các nội dung dạy học

2.3. Lựa chọn, sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học

Nội dung thực hành:

- Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học ứng dụng trong dạy học một đơn vị kiến thức tiếng Việt cụ thể trong chương trình, sách giáo khoa hiện nay.

Chương 4. Vận dụng lý thuyết ngữ nghĩa học trong dạy học tiếng Việt

[12 tiết (LT6,TH4,TL4)]

2.1. Xác định mục tiêu dạy học

2.2. Từ khung chương trình, xây dựng các nội dung dạy học

2.3. Lựa chọn, sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học

Nội dung thực hành:

- Vận dụng lý thuyết ngữ nghĩa học trong dạy học một đơn vị kiến thức tiếng Việt cụ thể trong chương trình, sách giáo khoa hiện nay.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		
Vấn đáp	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn			x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	
Nghiên cứu tình huống			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Tham gia lớp học theo TKB	Rubric 1	CLO1	30%
2	Vấn đáp/thuyết trình/ thảo luận/báo cáo	Bảng kiểm	CLO2	
Kiểm tra thường xuyên (01)				
	viết luận	Rubric	CLO2	20%
Thi cuối kì (01)				
	viết luận	Rubric	CLO3 CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với NCS

NCS phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình

1. Đỗ Ngọc Thống Thống chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn*, Nxb Đại học sư phạm.

Tài liệu tham khảo

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, H.

2. Bùi Minh Toán (2002), *Tiếng Việt ở trường THPT*, NXB Đại học Sư phạm. H.

1PV246. PHÁT TRIỂN CÁC NĂNG LỰC TRÍ TUỆ XÚC CẢM CHO HỌC SINH QUA DẠY HỌC VĂN

1. Tên học phần: *Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm cho HS qua dạy học Văn*

2. Mã học phần: PPXC 609

3. Tên tiếng Anh: *Developing emotional intelligence for students through teaching literature*

4. Khối lượng: 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

5. Giáo viên phụ trách: PGS.TS Hoàng Thị Mai

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt

7. Mục tiêu của chuyên đề:

Chuyên đề giúp NCS có những tri thức hệ thống và chuyên sâu về cơ cấu của trí tuệ xúc cảm, nội dung, bản chất của các năng lực trí tuệ xúc cảm; từ đó, gợi mở cho NCS vai trò, khả năng của văn học trong việc phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS, biện pháp, cách thức phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua hoạt động đọc văn.

Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi học xong học chuyên đề, NCS có khả năng:

- Phân tích, chứng minh được cơ cấu của trí tuệ xúc cảm; nội dung, bản chất các năng lực trí tuệ xúc cảm; vai trò và khả năng phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua hoạt động dạy văn, học văn.

- Vận dụng lí thuyết của khoa học trí tuệ xúc cảm vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

- Kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lý thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường tiếp tục được nâng cao.

8. Nội dung tóm tắt:

Chuyên đề nghiên cứu khái quát về cơ cấu của trí tuệ xúc cảm, nội dung, bản chất của các năng lực trí tuệ xúc cảm; nghiên cứu vai trò, khả năng, biện pháp, cách thức phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua hoạt động dạy văn, học văn.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

10. Nội dung chi tiết chuyên đề:

Chương 1: Thuyết đa trí thông minh và thông minh cảm xúc

1.1. Bảy loại hình trí thông minh

1.2. Chỉ số IQ và chỉ số EQ

Nội dung thực hành:

- Quan điểm của anh/chị về ý kiến cho rằng, trí tuệ xúc cảm chiếm từ 80-90% trong việc làm nên sự thành công và nổi trội của một con người?

Chương 2: Cơ cấu của trí tuệ xúc cảm

2.1. Khái niệm trí tuệ xúc cảm

2.2. Cơ cấu của trí tuệ xúc cảm

2.1.1. Năng lực tự nhận thức

2.1.2. Năng lực tự điều chỉnh

2.1.3. Mục tiêu, động cơ thúc đẩy

2.1.4. Năng lực thấu cảm

Nội dung thực hành:

- Tại sao có những người kém thông minh lại thành công hơn những người thông minh?

Chương 3: Khả năng phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua dạy học văn

3.1. Vai trò của trí tuệ xúc cảm

3.2. Thực trạng trí tuệ xúc cảm của HS hiện nay

3.3. Khả năng phát triển năng lực tự nhận thức cho HS qua dạy học Văn

3.4. Khả năng phát triển năng lực tự điều chỉnh cảm xúc cho HS qua dạy học Văn

3.5. Khả năng phát triển động cơ thúc đẩy cho HS qua dạy học Văn

3.6. Khả năng phát triển năng lực thấu cảm cho HS qua dạy học Văn

3.7. Khả năng phát triển các kỹ năng xã hội cho HS qua dạy học Văn

Chương 4: Đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường phổ thông - nhìn từ góc độ trí tuệ xúc cảm

4.1. Xác định triết lý, mục tiêu dạy học văn từ góc độ trí tuệ xúc cảm

4.2. Xác định chuẩn đầu ra của việc dạy học văn từ góc độ trí tuệ xúc cảm

4.3. Thiết kế chương trình, sách giáo khoa phần Đọc văn từ lập trường của trí tuệ xúc cảm

4.4. Tổ chức dạy học đọc – hiểu văn bản từ lập trường của từ góc độ trí tuệ xúc cảm

4.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả Đọc văn từ lập trường của trí tuệ xúc cảm

Nội dung thực hành:

- Vận dụng lí thuyết của khoa học trí tuệ xúc cảm vào việc thiết kế và thực hành tổ chức dạy học một giờ Đọc văn cho HS THCS/THPT ở trên lớp.

11. Tài liệu tham khảo chính

1. Daniel Goleman (2007): *Trí tuệ xúc cảm*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội
2. Daniel Goleman (2007): *Trí tuệ xúc cảm ứng dụng trong công việc*, NXB Tri thức Hà Nội
3. Daniel Goleman (2008): *Trí tuệ xã hội*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội
4. Diane Tillman (2010), *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP HCM
5. Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang (2014), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kĩ năng sống*, NXB Đại học Sư Phạm
6. Hoàng Thị Mai (2010), *Dạy học Văn ở nhà trường phổ thông – nhìn từ góc độ trí tuệ xúc cảm*, Tạp chí Giáo dục tháng 5/2010
7. Travis Bradberry and Jean Greaves (2012), *Thông minh cảm xúc 2.0*, NXB Phụ nữ.

1PV247. Công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông/Tools to assess students' ability in teaching Literature in high schools

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết, 18 Thảo luận, 18 Thực hành, Tự học 135)
- Mã học phần: HPCL19
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Sau các học phần bắt buộc và tự chọn của trình độ tiến sĩ.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần nghiên cứu những yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; cách xây dựng và sử dụng các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo Chương trình GDPT 2018.

Năng lực đạt được:

Học phần phát triển năng lực đánh giá học sinh của các chủ thể đánh giá thông qua việc nghiên cứu, xây dựng và sử dụng các công cụ đánh giá trong dạy học Ngữ văn đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá của Chương trình GDPT 2018; có khả năng giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở mức độ chuyên sâu nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, trường sư phạm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phân tích, lí giải được 1 số lí thuyết về các công cụ đánh giá năng lực học sinh của các chủ thể đánh giá trong dạy học Ngữ văn.
- CO2: Xây dựng và sử dụng được các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá của chương trình GDPT 2018 ở vị trí chuyên gia.
- CO3: Bồi dưỡng phẩm chất của một chuyên gia như tinh thần học tập sáng tạo, nghiên cứu khoa học nghiêm túc và phổ biến kiến thức mới.

3. Chuẩn đầu ra của HP:

- CLO1: Phân tích, hệ thống hóa đặc điểm của các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn.

- CLO2: Hướng dẫn được cách xây dựng các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- CLO3: Xây dựng được các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá của chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở vị trí chuyên gia.

- CLO4: Giải quyết được những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở mức độ chuyên sâu trong các trường phổ thông, sư phạm.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan [7tiết (LT3, TH2, TL2)]

1.1. Khái niệm công cụ đánh giá

1.2. Khái niệm năng lực và năng lực học sinh

1.3. Các năng lực học sinh trong chương trình GDPT 2018

1.4. Yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

1.5. Phân loại/hình thức kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo CTGDPT 2018

1.6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo CTGDPT 2018

1.7. Các chủ thể đánh giá học sinh trong dạy học Ngữ văn theo chương trình GDPT 2018.

Chương 2: Hướng dẫn xây dựng các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông

[10tiết (LT4, TH3, TL3)]

1. Câu hỏi [7 tiết (LT2, TH3, TL2)]

1.1. Khái niệm câu hỏi

1.2. Mục đích sử dụng câu hỏi

1.3. Các loại câu hỏi

1.4. Hướng dẫn xây dựng câu hỏi

2. Bài tập [7 tiết (LT2, TH3, TL2)]

2.1. Khái niệm bài tập

2.2. Mục đích sử dụng bài tập

2.3. Phân loại bài tập đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn

2.4. Cách xây dựng bài tập đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn

3. Bảng kiểm [6 tiết (LT2, TH2, TL2)]

3.1. Khái niệm bảng kiểm

3.2. Mục đích sử dụng bảng kiểm

3.3. Hướng dẫn xây dựng bảng kiểm trong dạy học chủ đề văn bản nghị luận theo chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 theo chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018

4. Hồ sơ học tập [6 tiết (LT2,TH2,TL2)]
 - 4.1. Khái niệm hồ sơ học tập
 - 4.2. Mục đích sử dụng hồ sơ học tập
 - 4.3. Cách xây dựng hồ sơ học tập trong dạy học chủ đề văn bản thông tin
5. Sản phẩm học tập [6 tiết (LT2,TH2,TL2)]
 - 5.1. Khái niệm sản phẩm học tập
 - 5.2. Mục đích sử dụng sản phẩm học tập
 - 5.3. Cách xây dựng sản phẩm học tập trong dạy học chủ đề văn bản thông tin
6. Phiếu đánh giá theo tiêu chí (rubric) [7tiết (LT3,TH2,TL2)]
 - 6.1. Khái niệm rubric
 - 6.2. Mục đích sử dụng
 - 6.3. Hướng dẫn xây dựng rubric
7. Thang đánh giá [6 tiết (LT2,TH2,TL2)]
 - 7.1. Khái niệm thang đánh giá
 - 7.2. Mục đích sử dụng
 - 7.3. Hướng dẫn xây dựng thang đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở PT
8. Đề kiểm tra [7 tiết (LT2,TH3,TL2)]
 - 8.1. Khái niệm đề kiểm tra
 - 8.2. Mục đích sử dụng

Chương 3: Thiết kế minh họa và định hướng sử dụng các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo CTGDPT 2018
[7 tiết (LT0,TH8,TL0)]

1. Thiết kế minh họa

- 1.1. Thiết kế câu hỏi đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông
- 1.2. Thiết kế bài tập đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông
- 1.3. Thiết kế thang đo đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông
- 1.4. Thiết kế hồ sơ học tập đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông
- 1.5. Hướng dẫn xây dựng sản phẩm học tập trong dạy học chuyên đề “Viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết”
- 1.6. Hướng dẫn xây dựng bảng kiểm trong dạy học chuyên đề “Viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết”
- 1.7. Thiết kế rubric đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông
- 1.8. Thiết kế đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông

2. Định hướng sử dụng các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo CTGDPT 2018



5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		
Vấn đáp	x	x	X	x
Tự học	x	x	X	x
Thảo luận	x	x	X	x
Thực hành	x	x	X	x
Hướng dẫn			X	x
Hoạt động nhóm	x	x	X	
Nghiên cứu tình huống			X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra chuyên cần				
1	Tham gia học trên lớp theo TKB	Rubric 1	CLO1-4	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm: 10,0 điểm				100%

(xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với NCS

NCS phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Học liệu bắt buộc

1. Sái Công Hồng (2020), Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học, Nxb Đại học Quốc gia
2. Đoàn Thị Thanh Huyền, Lê Minh Nguyệt, Phan Thị Hồng Xuân (2021), Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh THCS trong dạy học Ngữ văn, Nxb Đại học sư phạm

Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh (2016), Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục, Nxb Đại học sư phạm.
2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB ĐHQGHN
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông*, Kỷ yếu Hội thảo, Hải Phòng tháng 8/2022.
4. Nghiêm Xuân Hùng biên dịch, GS.TS Lâm Quang Thiệp hiệu đính và giới thiệu (1995), *Trắc nghiệm và đo lường cơ bản trong giáo dục*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ đại học.

TLTS. Tiểu luận tổng quan/Literature review

- Số tín chỉ: 2
- Mã học phần:
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tiểu luận:

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những kết quả đạt được và những vấn đề còn tồn tại của các nghiên cứu trước, từ đó tìm ra các khoảng trống nghiên cứu mà luận án có thể tập trung nghiên cứu giải quyết.

2. Mục tiêu tiểu luận tổng quan:

CO1: NCS rèn luyện khả năng tổng hợp, phân tích các nguồn tài liệu, từ đó so sánh, đánh giá và hình thành nên các khái niệm nghiên cứu.

CO2: Viết tổng quan tài liệu từ đó tìm ra những khoảng trống và hướng nghiên cứu cho luận án.

3. Chuẩn đầu ra:

CLO1: Tổng hợp, phân tích các nguồn tài liệu, từ đó đối sánh và tìm được những khoảng trống nghiên cứu và hướng nghiên cứu luận án.

CLO2: Sử dụng thành thạo các kĩ thuật và công cụ tìm kiếm được các nguồn tài liệu trong và ngoài nước về các chủ đề liên quan đến luận án tiến sĩ.

CLO3: Hình thành tư duy nghiên cứu độc lập và trình bày được báo cáo tổng quan nghiên cứu đầy đủ, khoa học.

4. Nội dung học phần:

Tiểu luận tổng quan phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức” trong đó tập trung vào các nội dung sau:

➤ **Mở đầu:** Tính cấp thiết, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của tiểu luận.

❖ **Phần 1:** Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước.

- Hệ thống hóa tất cả các công trình, bài viết đã được công bố kể cả các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án hoặc liên quan mật thiết đến các vấn đề cần tập trung nghiên cứu của luận án.

- Phân tích, đánh giá và nêu rõ những mặt thành công và mức độ thành công của các công trình này trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài luận án hoặc liên quan mật thiết đến các vấn đề cần được đề cập trong luận án; những quan điểm, luận điểm đã được thừa nhận rộng rãi, cơ sở lí thuyết và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong những công trình nghiên cứu này.

- Phân tích, đánh giá và nêu rõ những vấn đề còn tồn tại liên quan đến đề tài luận án mà trong các công trình nói trên đã đề cập nhưng chưa được giải quyết một cách triệt để hoặc còn đang có các ý kiến khác nhau hoặc đang bị bỏ ngỏ cần tiếp tục nghiên cứu.

- Lựa chọn và xác định những vấn đề thuộc nội dung luận án mà tác giả cần và sẽ tập trung giải quyết.

❖ **Phần 2:** Khoảng trống nghiên cứu

❖ **Phần 3:** Định hướng và mô hình nghiên cứu luận án.

➤ **Kết luận**

➤ **Danh mục tài liệu tham khảo**

Liệt kê toàn bộ tài liệu tham khảo mà tác giả đã nghiên cứu và được sử dụng để viết tiểu luận tổng quan theo quy định của trường đại học Hồng Đức.

5. Hình thức dạy học

Tiểu luận sử dụng kết hợp các hình thức dạy học sau:

Hình thức dạy học	Liên quan đến Chuẩn đầu ra của tiểu luận tổng quan		
	CLO1	CLO2	CLO3
Tự học	X	X	x
Thảo luận	X	X	x
Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	X	X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức	Công cụ	Liên quan đến CĐR của tiểu luận	Trọng số
1	Đánh giá quá trình (tiến độ và chuyên cần)	Rubric 1	CLO1 -> CLO3	20%
2	Đánh giá định kì (Tiểu luận)	Rubric 6	CLO1 ->CLO3	80%
Thang điểm				10,0 điểm

7. Quy định đối với NCS

NCS phải thực hiện các điều kiện sau mới được công nhận kết quả Tiểu luận tổng quan:

- Thái độ học tập: NCS phải tích cực học tập, tích cực tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp tiểu luận đúng hạn theo quy định.
- Điểm đánh giá: NCS phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ, có điểm chấm tiểu luận tổng quan đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Tài liệu học tập: NCS cần có đủ tài liệu và Đề cương chi tiết tiểu luận để học tập và nghiên cứu.
- NCS nghiên cứu kỹ rubric đánh giá tiểu luận tổng quan để xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu.

8. Kế hoạch tư vấn:

GVHD sẽ tư vấn trực tiếp cho NCS vào ngày thứ 4 hàng tuần tại phòng họp Bộ môn Ngữ văn, hoặc tư vấn online theo nhu cầu, nhiệm vụ viết tiểu luận của NCS.

9. Trang thiết bị

Phòng họp thảo luận, máy tính kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của NCS; cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của Tiểu luận tổng quan trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các quy định làm Tiểu luận tổng quan luận án tiến sĩ của trường đại học Hồng Đức
2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.

1NVC22. Chuyên đề 1(bắt buộc)/PhD Project 1 (compulsory): Phương pháp định tính và phương pháp định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục/(**QUANTITATIVE AND QUALITATIVE RESEARCH METHODS IN EDUCATIONAL RESEARCH**)

- Số tín chỉ: 2 (LT 0; TL 0; TH 126)
- Mã Chuyên đề 1:
- Bộ môn phụ trách: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành Tiểu luận tổng quan

1. Mô tả chuyên đề 1:

Chuyên đề này gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm và các dạng nghiên cứu định lượng và phương pháp định tính trong giáo dục. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của giáo dục. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong giáo dục. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu giáo dục. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả.

2. Mục tiêu chuyên đề

CO1: Hiểu được khái niệm và các dạng nghiên cứu định lượng và phương pháp định tính trong giáo dục. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của giáo dục. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong giáo dục. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu giáo dục. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái

niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả.

CO2: Giải thích được kiến thức về khái niệm và các dạng nghiên cứu định tính và định lượng trong giáo dục học. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của giáo dục. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong giáo dục. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu giáo dục. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả.

CO3: Vận dụng được những kiến thức về về khái niệm và các dạng nghiên cứu trong giáo dục. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục; Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả vào hoạt động nghiên cứu giáo dục

CO4: Kỹ năng tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thực hành phương pháp định tính và định lượng khác nhau của ngành giáo dục; Kỹ năng tư duy khoa học và tư duy phản biện trong bối cảnh thực hành và nghiên cứu giáo dục chuyên nghiệp.

CO5: Hình thành năng lực nghiên cứu, quan sát về một vấn đề nghiên cứu.- Hình thành khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm. Giải quyết vấn đề xã hội

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CLO1: Kiến thức về khái niệm và các dạng nghiên cứu trong giáo dục. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của giáo dục. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong giáo dục. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu giáo dục. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả.

CLO2: Khả năng vận dụng kiến thức về khái niệm và các dạng nghiên cứu trong giáo dục. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục đặc thù của giáo dục. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong giáo dục. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu giáo dục.

CLO3: Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục.

CLO4: Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả vào hoạt động nghiên cứu giáo dục.

CLO5: Kỹ năng tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thực hành phương pháp định tính và định lượng khác nhau của ngành giáo dục

CLO6: Kỹ năng tư duy khoa học và tư duy phản biện trong bối cảnh thực hành và nghiên cứu giáo dục chuyên nghiệp.

CLO7: Năng lực nghiên cứu, quan sát về một vấn đề nghiên cứu.

CLO8: Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm. Giải quyết vấn đề xã hội

4. Nội dung chuyên đề 1

Nội dung 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu trong giáo dục học

1. Khái niệm và các dạng nghiên cứu trong giáo dục
2. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục
3. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của giáo dục

Thảo luận: Quản trị giáo dục

Nội dung 2. Xây dựng cơ sở lý luận cho một cuộc nghiên cứu trong giáo dục

1. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong giáo dục
2. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu giáo dục
3. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm
4. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục

Thảo luận: Các loại câu hỏi trong bảng hỏi

Nội dung 3. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục

- 3.1. Phương pháp phân tích tài liệu
- 3.2. Phương pháp quan sát
- 3.3. Phương pháp phỏng vấn
- 3.4. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi
- 3.5. Phương pháp chọn mẫu

Thảo luận: Phương pháp chọn mẫu

Nội dung 4. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả

- 4.1. Đo lường và xử lý thông tin trong nghiên cứu giáo dục
- 4.2. Xử lý thống kê trong nghiên cứu giáo dục
- 4.3. Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

Thảo luận: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

Chuyên đề sử dụng kết hợp các phương pháp, hình thức dạy học sau:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR của chuyên đề							
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Tự học, tự nghiên cứu	x	X	x	x	x	X	x	X
Thuyết trình	x	X			x	X		
Vấn đáp	x	X	x	x	x	X	x	X
Thảo luận	x	X	x	x	x	X	x	X
Thực hành	x	X	x	x	x	X	x	X
Hướng dẫn	x	X	x	x	x	X	x	X
Hoạt động nhóm	x	X	x	x	x	X	x	X
Nghiên cứu tình huống	x	X	x	x	x	X	x	X
Chuyên đề			x	x			x	X
Trình bày báo vệ chuyên đề			X	x			X	X

Liệt kê Kế hoạch, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, hướng dẫn chuyên đề:

- Hình thức tổ chức nghiên cứu chuyên đề tập trung tại lớp, phòng nghiên cứu, phòng thực hành hoặc tự nghiên cứu ở nhà, thư viện, phòng thí nghiệm.

- Phương pháp dạy học: Nghiên cứu theo định hướng của giáo viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, thời gian cuối của chuyên đề bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên, rèn luyện cho người học cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá chuyên đề

Chuyên đề tiến sĩ được đánh giá hoàn thành thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá (Phiếu đánh giá theo tiêu chí quy định chung của Nhà trường).

Chuyên đề luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức.

7. Quy định đối với NCS

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau để hoàn thành được nội dung chuyên đề:

Người học phải tích cực, chủ động tham dự đầy đủ thời gian hướng dẫn của GVHD, 100% số giờ tự nghiên cứu, hoàn thành chuyên đề nghiên cứu được giảng viên hướng dẫn và Bộ môn tổ chức đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên theo quy định.

- Thái độ học tập: NCS phải tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo quy định.

- Điểm đánh giá: NCS phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có điểm chấm chuyên đề đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Tài liệu học tập: NCS cần có đủ tài liệu và Đề cương chi tiết chuyên đề để học tập, nghiên cứu.

- NCS nghiên cứu kỹ các rubric đánh giá chuyên đề để tự xây dựng kế hoạch học tập.

8. Kế hoạch tư vấn:

GVHD sẽ hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của NCS vào ngày thứ 4 hàng tuần tại văn phòng Bộ môn Ngữ văn hoặc online theo nhu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu học tập chuyên đề. Thời gian và địa điểm tư vấn thực hiện linh hoạt, thống nhất giữa GVHD và NCS.

9. Trang thiết bị:

Phòng họp Hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn, có máy tính, có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của NCS. Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

Học liệu bắt buộc

7.1. Nguyễn Duy Hới - Đoàn Văn Trường (Đồng chủ biên, 2020), *Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

7.2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB ĐHQGHN

Tài liệu tham khảo thêm

7.3. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 & tập 2*, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức.

7.4. Phạm Việt Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

1NVC19. Chuyên đề 2/ PhD project 2**1NVC21. Chuyên đề 3/PhD project 3**

- Số tín chỉ: 4 (LT 0; TL 0; TH 84)

- Mã học phần:

- Bộ môn phụ trách hướng dẫn (giảng dạy): Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tiểu luận tổng quan

1. Mô tả chuyên đề

Các chuyên đề nghiên cứu 2&3, Nghiên cứu sinh phải tự cập nhật các kiến thức tiên tiến, chuyên sâu liên quan trực tiếp đến hướng nghiên cứu của đề tài luận án; làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu chuyên đề, đưa ra những hướng giải quyết nội dung đề tài luận án một cách sáng tạo, độc đáo.

2. Mục tiêu chuyên đề

CO1: Nghiên cứu sinh làm chủ các kiến thức tiên tiến chuyên sâu về vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án, làm chủ các phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu đề tài.

CO2: Phân tích luận giải, đề xuất được các giải pháp giải quyết các vấn đề nghiên cứu của luận án.

CO3: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra của chuyên đề

CLO1: Nghiên cứu sinh cập nhật và hiểu được các kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án.

CLO2: Phân tích, tổng hợp và đánh giá các nguồn tài liệu liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó xây dựng các khái niệm nghiên cứu và khung nghiên cứu của đề tài luận án.

CLO3: Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển nội dung nghiên cứu của chuyên đề.

CLO4: Xây dựng, đề xuất và giải quyết được các vấn đề nghiên cứu đặt ra của mỗi chuyên đề học tập liên quan đến đề tài luận án.

CLO5: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, đưa ra những ý tưởng kiến thức mới, ra quyết định mang tính chuyên gia.

4. Nội dung chuyên đề 2 &3**4.1. Chủ đề của các chuyên đề tiến sĩ gồm: (khuyến nghị)**

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu

- Các phương pháp nghiên cứu và nguyên tắc, giải pháp giải quyết vấn đề nghiên cứu.

- Kết quả nghiên cứu qua thực nghiệm sư phạm.

4.2. Kết cấu của chuyên đề

➤ *Phần mở đầu* gồm: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, giới hạn và phạm vi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, kết quả nghiên cứu của chuyên đề.

➤ *Phần Nội dung chuyên đề* gồm: Cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu, giải pháp giải quyết vấn đề nghiên cứu, kết quả nghiên cứu thực nghiệm.

- Kết luận
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

Chuyên đề luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức”.

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

Chuyên đề sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học sau:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	X			
Vấn đáp	x	X	X	x	x
Tự học, tự nghiên cứu	x	X	X	x	x
Thảo luận	x	X	X	x	x
Thực hành	x	X	X	x	x
Hướng dẫn	x	X	X	x	x
Hoạt động nhóm	x	X	X	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	X	X	x	x
Chuyên đề	x	X	X	x	x
Trình bày báo vệ chuyên đề	x	X	X	x	x

Liệt kê Kế hoạch, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, hướng dẫn chuyên đề:

- Hình thức tổ chức nghiên cứu chuyên đề tập trung tại lớp, phòng nghiên cứu, phòng thực hành hoặc tự nghiên cứu ở nhà, thư viện, phòng thí nghiệm.

- Phương pháp dạy học là: Nghiên cứu theo định hướng của giáo viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, thời gian cuối của chuyên đề bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên, rèn luyện cho người học cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu...

5. Hình thức, phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 03 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR chuyên đề	Trọng số
1	Đánh giá quá trình (Tiến độ và chuyên cần)	Rubric 1	CLO1 -> CLO5	20%
2	Chuyên đề	Đề thi và Rubric 7	CLO1->CLO5	50%
3	Báo vệ chuyên đề	Rubric 8	CLO1->CLO5	30%
Thang điểm				10,0 điểm

6. Quy định đối với NCS

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau để hoàn thành được nội dung chuyên đề:

Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất hơn 80% số giờ lý thuyết, 80% số giờ thực hành, 100% số giờ tự nghiên cứu, hoàn thành chuyên đề nghiên cứu được giảng viên hướng dẫn và Bộ môn tổ chức đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên theo quy định.

- Thái độ học tập: NCS phải tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, nộp chuyên đề đúng hạn theo quy định.

- Điểm đánh giá: NCS phải được GVHD nhận xét có thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc, đúng tiến độ và có điểm chấm chuyên đề đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Tài liệu học tập: NCS cần có đủ tài liệu và Đề cương chi tiết chuyên đề để học tập, nghiên cứu.

- NCS nghiên cứu kỹ các rubric đánh giá chuyên đề để tự xây dựng kế hoạch học tập.

7. Kế hoạch tư vấn:

GVHD sẽ hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của NCS theo nhu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu học tập chuyên đề. Thời gian và địa điểm tư vấn thực hiện linh hoạt, thống nhất giữa GVHD và NCS tại văn phòng Bộ môn Ngữ văn khoa KHXH hoặc online.

8. Trang thiết bị:

Phòng họp Hội đồng bảo vệ chuyên đề, thảo luận đủ tiêu chuẩn, có máy tính, có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của NCS. Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của tiểu luận trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

9. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản quy định làm chuyên đề của trường đại học Hồng Đức.

2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở liên quan đến nội dung nghiên cứu của chuyên đề.

Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ

Nghiên cứu khoa học:

a) Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của luận án tiến sĩ. Bộ môn, người hướng dẫn và NCS phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh.

b) Thời gian nghiên cứu khoa học được thực hiện trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

LATS. Luận án tiến sĩ

- Số tín chỉ: 72 (LT 0; TL 0; TH 1512)

- Mã số luận án:

- Bộ môn quản lý và hướng dẫn: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ và có ít nhất 3 bài báo do NCS đứng tên đầu (không chia điểm khi có đồng tác giả) đăng trên

các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo.

1. Mô tả luận án

Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành khoa học hay thực tiễn giáo dục ở các trường phổ thông và sư phạm.

2. Mục tiêu luận án

CO1: NCS phân tích, hệ thống hóa được các lí luận và thực tiễn chuyên sâu (xây dựng cơ sở lí luận và thực tiễn) về vấn đề nghiên cứu, từ đó vận dụng một cách hiệu quả vào thực tế công việc.

CO2: Phát hiện và đề xuất được các giải pháp thực tiễn cũng như những cơ sở lí thuyết tin cậy làm căn cứ cho các nghiên cứu và vận dụng tiếp theo.

3. Chuẩn đầu ra của luận án

CLO1: Thành thạo trong cập nhật, tổng hợp, đánh giá được các kiến thức lí thuyết và thực tiễn mới nhất liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án.

CLO2: Chủ động phát hiện, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề nghiên cứu về lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt từ đó có ý thức, tác phong nghiên cứu độc lập, chuyên nghiệp.

CLO3: Sử dụng thành thạo các phương pháp, kĩ thuật, công cụ nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học Giáo dục và phương pháp dạy học Văn-Tiếng Việt.

CLO4: Có tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kĩ năng phân tích, khái quát hóa vấn đề nghiên cứu.

CLO5: Có đạo đức, liêm chính trong nghiên cứu, có khả năng hợp tác và dẫn dắt các nhóm nghiên cứu.

4. Nội dung và hình thức luận án

Luận án phải tuân thủ các quy định tại Quyết định 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức” trong đó cần chú ý đến những yêu cầu và nội dung cụ thể sau:

4.1. Yêu cầu về nội dung luận án

a) Luận án tiến sĩ tương đương 72 tín chỉ do NCS thực hiện. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

b) Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

c) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể

trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Nhà trường (qua Bộ môn và Phòng QLĐT Sau đại học) các văn bản của các thành viên chính trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ, nhận bằng tiến sĩ.

d) Nội dung chủ yếu và đóng góp quan trọng của luận án được đăng trong: kỷ yếu hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Trong các công bố trên, NCS phải là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ công trình khoa học; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của sách. Ngoài các yêu cầu trên, kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu 01 bài trên Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức.

đ) Yêu cầu tại điểm d khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

e) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng theo quy định đồng thời tuân thủ các quy định về trích dẫn và chống đạo văn hiện hành của Nhà trường.

- Yêu cầu tại điểm (d) ở mục 4 này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của 1 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng kí và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

- Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng theo quy định, đồng thời tuân thủ các quy định về trích dẫn và chống đạo văn hiện hành của Nhà trường.

4.2. Bố cục nội dung luận án

- Trang bìa (mẫu 1)

- Trang bìa phụ (mẫu 2)

- Lời cam đoan

- Mục lục (làm mục lục các nội dung của luận án chi tiết đến 3 chữ số)

- Danh mục các chữ viết tắt (lập danh mục các từ viết tắt theo thứ tự ABC)

- Danh mục bảng biểu (lập danh mục các bảng biểu theo trình tự xuất hiện trong luận án).

- Danh mục hình vẽ, đồ thị (lập danh mục các hình vẽ, đồ thị theo trình tự xuất hiện trong

luận án).

- Mở đầu (tính cấp thiết của đề tài, mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài).

- Tổng quan tình hình nghiên cứu:

+ Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại chưa được giải quyết, những khoảng trống tri thức, làm cơ sở cho việc đặt ra các câu hỏi nghiên cứu mà luận án cần tập trung giải quyết.

- Nội dung luận án: trình bày các chương của luận án

+ Các chương của luận án 1,2,3... trình bày kết quả đạt được của luận án (cơ sở lý luận, giả thuyết nghiên cứu, thực trạng và giải pháp về vấn đề nghiên cứu, thực nghiệm sư phạm để chứng minh tính khả thi và độ tin cậy của các giải pháp nghiên cứu trong luận án). Khuyến khích NCS thực hiện đề tài luận án bằng các phương pháp đánh giá định lượng trên cơ sở thông tin, số liệu thu thập được từ phiếu khảo sát, điều tra, phỏng vấn và phân tích đánh giá được bằng các chương trình, phần mềm tin học.

(Lưu ý số chương của luận án do Người hướng dẫn khoa học và NCS quyết định căn cứ vào tên đề tài luận án, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu).

- Kết luận và Kiến nghị: Trình bày những phát hiện mới, những kết luận nghiên cứu đã thực hiện trong các chương của luận án. Kiến nghị về những định hướng nghiên cứu có thể tiếp tục trong tương lai nhằm phát triển và hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

- Danh mục các công trình đã công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án: Liệt kê các bài báo, công trình khoa học đã công bố của NCS về nội dung đề tài luận án theo trình tự thời gian công bố.

- Tài liệu tham khảo: Chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bàn luận trong luận án. Tài liệu tham khảo sắp xếp riêng theo từng ngôn ngữ: Tài liệu tiếng Việt và Tài liệu tiếng Anh. Các tài liệu nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC theo họ tên tác giả, theo thông lệ của từng nước (tác giả là người nước ngoài xếp theo thứ tự họ; tác giả là người Việt Nam xếp theo thứ tự tên) hoặc tên tổ chức phát hành theo thứ tự abc; Tài liệu tiếng Việt đưa lên trước (theo quy định về thể thức luận án tiến sĩ của trường đại học Hồng Đức).

- Phụ lục: Đưa vào phần phụ lục các nội dung chi tiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ thêm cho nội dung nghiên cứu của luận án do tác giả thực hiện như: các mẫu phiếu điều tra, bảng tổng hợp kết quả điều tra, tranh, ảnh... Số trang của phụ lục không được nhiều hơn số trang của phần chính luận án tiến sĩ.

4.3. Hình thức luận án

- Luận án được in trên 1 mặt giấy khổ A4 (210x297mm)

- Số trang của luận án không vượt quá 150 trang không kể phần Mục lục, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, font chữ Time new roman, paragraph 13-14, lines 1,3-1,5 lines; lề trên 3.5cm, lề dưới 3.0cm, lề trái 3.5cm, lề phải 2.0cm.

Số trang của luận án đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy, từ 1 đến hết (bắt đầu từ phần Mở đầu).

Thứ tự của các trang thông tin trước phần Mở đầu (lời cam đoan, mục lục, danh mục các từ viết tắt, danh mục bảng biểu, hình vẽ...) đánh số trang theo thứ tự bằng chữ i, ii, iii, vi,... Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

Các tiểu mục của luận án được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số, chữ số thứ nhất chỉ số chương. Tại mỗi nhóm tiểu mục ít nhất phải có 2 mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

4.4. Tóm tắt luận án

Tóm tắt luận án được trình bày theo trình tự của luận án, phản ánh trung thực bố cục, kết cấu, nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Tóm tắt luận án không quá 24 trang (in cả 2 mặt giấy khổ 140 x 210mm), font chữ Time New Roman, cỡ chữ 11 – 12, paragraph 1.1 – 1.3 lines, lề trên, lề dưới, lề trái, lề phải đều là 2cm. Cuối bản tóm tắt Luận án là Danh mục công trình nghiên cứu của NCS đã công bố liên quan đến đề tài luận án với đầy đủ thông tin về tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, số trang của bài báo trên tạp chí. Danh mục này có thể in trên trang bìa 3 của tóm tắt luận án.

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp, hình thức dạy học sau:

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tự học, tự nghiên cứu	x	x	X	x	X
Thảo luận	x	x	X	x	X
Hướng dẫn	x	x	X	x	X
Nghiên cứu tình huống	x	x	X	x	X
Luận án	x	x	X	x	X
Trình bày bảo vệ Luận án	x	x	X	x	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá luận án

- Điểm chuyên đề do 07 giảng viên của các cơ sở Giáo dục & Đào tạo chấm theo thang đo gồm 3 mức: (1) Tán thành; (2) Không tán thành; (3) Xuất sắc.

- Phương pháp đánh giá: Đánh giá kết quả nghiên cứu của NCS trong Luận án và năng lực bảo vệ kết quả nghiên cứu đề tài luận án của NCS trước Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp trường.

- Hình thức đánh giá: Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ gồm 7 thành viên.

- Công cụ đánh giá: Phiếu đánh giá theo quy định chung
(Xem Phiếu đánh giá luận án ở Phụ lục 8)

7. Quy định đối với NCS

Nghiên cứu sinh phải có đầy đủ các điều kiện sau để hoàn thành được luận án, được đánh giá và cấp bằng tiến sĩ.

- Đã hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề luận án trong chương trình đào tạo tiến sĩ, được đánh giá chấm điểm đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Luận án của NCS đáp ứng được các yêu cầu quy định tại các điều khoản thuộc chương IV “Đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ” tại Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức”.

- Thái độ học tập: NCS phải tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ với GVHD, hoàn thành Luận án đúng hạn theo quy định.

- NCS nghiên cứu kỹ các rubric đánh giá Luận án để tự xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu.

8. Kế hoạch tư vấn:

GVHD hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của NCS theo nhu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu nghiên cứu đề tài luận án. Thời gian và địa điểm tư vấn thực hiện linh hoạt, thống nhất giữa GVHD và NCS tại văn phòng Bộ môn Ngữ văn khoa KHXH vào các ngày thứ 4 hàng tuần theo giờ hành chính hoặc online.

9. Trang thiết bị:

Phòng họp Hội đồng bảo vệ luận án, thảo luận đủ tiêu chuẩn, có máy tính, có kết nối hệ thống học liệu phục vụ quá trình tra soát tài liệu của NCS. Cung cấp các tài khoản truy cập CSDL và kiểm tra độ trùng lặp của luận án trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

10. Tài liệu dạy học

1. Các văn bản quy định về làm luận án tiến sĩ của trường đại học Hồng Đức.
2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án.

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ

6.1 Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 978/QĐ-ĐHHĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức về “Quy định xây dựng, cập nhật CTĐT, đề cương chi tiết học phần tại trường đại học Hồng Đức.
- Quyết định 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức”.
- Thông tư số 17/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 18/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ”.
- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam”.
- Luật giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung 2019.
- Sứ mạng, tầm nhìn của trường đại học Hồng Đức.

6.2 Chương trình đào tạo tham khảo

- Trường ĐH Hồng Đức, Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phê duyệt 2017.
- Trường ĐHSPT Hà Nội, Khung CTĐT Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn truy cập:

[http://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/7Khoa-Ngu-van-\(Roi\)-637812760830760667.pdf](http://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/7Khoa-Ngu-van-(Roi)-637812760830760667.pdf)

- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, nguồn truy cập: Nguồn truy cập:

<http://vnies.edu.vn/upload/Boiduong/Dao%20tao%20TS%202016/LLPPDHBM%20VAN.pdf>

- University of Michigan, PhD in Education Degree, <https://soe.umich.edu/academics-admissions/degrees/doctoral/teaching-and-teacher-education>

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng.
- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

- + Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 36 tháng đến 60 tháng.

- + Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trường Khoa Khoa học Xã hội có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Trưởng Bộ môn Ngữ văn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa Khoa học Xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết (nếu có) cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn

bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng. /



[Handwritten signature]
PGS.TS. Bùi Văn Dũng

PHỤ LỤC

Rubrics¹ dùng trong đánh giá học phần, tiểu luận, chuyên đề, luận án tiến sĩ
CTĐT TS chuyên ngành: Lí luận & Phương pháp dạy học Bộ môn Văn -Tiếng Việt

1. Rubric đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 – 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng \geq 85% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng \geq 70% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng \geq 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $<$ 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

2. Rubric đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề thảo luận chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5	2.0 đến ≤ 2.5	1.5 đến ≤ 2.0	0 đến $\leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	1.0 đến ≥ 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≥ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

3. Rubric đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
	20%	Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nếu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
		2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
Phương tiện hỗ trợ	20%	Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
		2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
Thái độ	20%	Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
		2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
Thái độ	20%	Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
		2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
Tổng điểm:						

4. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài tập	30%	3.0 đến ≥ 2.5 Vận dụng kiến thức thực tế và lí thuyết để giải quyết đầy đủ yêu cầu của bài tập.	2.0 đến ≤ 2.5 Vận dụng kiến thức thực tế và lí thuyết vào giải quyết trên 2/3 yêu cầu của bài tập	1.5 đến ≤ 2.0 Vận dụng kiến thức thực tế và lí thuyết vào giải quyết trên 1/2 yêu cầu của bài tập.	0 đến $\geq 1,25$ Rất thiếu kiến thức thực tế và lí thuyết để giải quyết yêu cầu của bài tập.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5 Thực hiện thành thạo, chuẩn xác các thao tác, kĩ năng giải quyết bài tập.	2.0 đến ≤ 2.5 Thực hiện chuẩn xác các thao tác, kĩ năng giải quyết bài tập.	1.5 đến ≤ 2.0 Thực hiện được các thao tác, kĩ năng cơ bản để giải quyết bài tập.	0 đến $\geq 1,25$ Thực hiện các thao tác, kĩ năng giải quyết bài tập theo chỉ dẫn một cách lúng túng.	
Hình thức bài tập	10%	1.0 đến ≥ 0.75 Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng; không sai chính tả, ngữ pháp; Sử dụng hình ảnh/sơ đồ/ biểu/bảng khoa học	0.5 đến ≤ 0.75 Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng; không sai chính tả, ngữ pháp; 1 vài hình ảnh/sơ đồ/ biểu/bảng chưa khoa học.	0.25 đến ≥ 0.5 Bố cục khá hợp lí, trình bày thiếu mạch lạc; ít lỗi chính tả, ngữ pháp; Đa số hình ảnh/sơ đồ/ biểu/bảng chưa khoa học.	0 đến ≤ 0.25 Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp; Không sử dụng tranh/hình ảnh/sơ đồ, biểu/bảng.	
Thời gian thực hiện	10%	1.0 đến ≥ 0.75 Nộp đúng thời gian quy định.	0.5 đến ≤ 0.75 Nộp muộn từ 1 đến 2 ngày	0.25 đến ≥ 0.5 Nộp muộn từ 2 đến 3 ngày	0 đến ≤ 0.25 Nộp muộn từ 3 đến 4 ngày.	
Trả lời câu hỏi	20%	2.0 đến ≥ 1.5 Tự tin, trả lời đúng tất cả các câu hỏi	1.25 đến 1.5 Tự tin, trả lời đúng trên 2/3 câu hỏi	1.0 đến ≤ 1.25 Tự tin, trả lời đúng trên ½ câu hỏi	0 đến < 1.0 Thiếu tự tin, trả lời sai trên 2/3 câu hỏi	
Tổng điểm:						

5. Rubric đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Mô tả/điễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách khoa học.	Mô tả/điễn giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính khoa học.	Mô tả/điễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính khoa học.	Mô tả/điễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	1.0 đến ≥ 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≥ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	1.0 đến 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≤ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

6. Phiếu đánh giá Tiểu luận tiến sĩ theo tiêu chí (Rubric)

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Tên Tiểu luận tổng quan:

2. Chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, mã số: 9140111

3. Họ và tên học viên:

4. Họ và tên cán bộ đánh giá:.....

5. Đơn vị công tác:

6. Ngày bảo vệ: Ngày tháng năm 20

7. Địa điểm:

8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ số: /QĐ.....

ngày/ /20 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức

9. Đánh giá Tiểu luận:

Tiêu chí đánh giá/trọng số điểm	Các chỉ báo đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của GV
I. Tiểu luận		(7.0 điểm)	
1. Nội dung chính	Xác định khung lí thuyết định hướng thực hiện nghiên cứu	1.5	
	Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án	2.0	
	Nêu lên những vấn đề còn tồn tại, và chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.	1.5	
2. Kết luận	Khái quát những nội dung đã tìm hiểu nghiên cứu và định hướng nghiên cứu đã được lựa chọn cho luận án.	1.0	
3. Tài liệu tham khảo	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong Tiểu luận tổng quan. Cách trình bày tài liệu tham khảo được trình bày theo đúng quy định	1.0	
4. Hình thức	Bố cục hợp lý, tổ chức các chương mục rõ ràng, logic.	0.5	
	Trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng đúng quy định. Ngôn ngữ chuẩn mực không có sai sót về chính tả, ngữ pháp.	0.5	
II. Báo cáo Tiểu luận tổng quan trước Hội đồng đánh giá		2.0	
1. Phần báo cáo	Trình bày báo cáo rõ ràng, đúng trọng tâm của đề tài, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng	1.0	

<i>kết quả</i>	các phương tiện nghe nhìn		
2. Phân trả lời câu hỏi	Trả lời các câu hỏi của Hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện tốt năng lực bảo vệ luận án.	1.0	
Tổng cộng		10	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20
Thành viên Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ
(Ký và ghi rõ họ tên)



7. Phiếu đánh giá Chuyên đề tiến sĩ theo tiêu chí (Rubric)

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ

1. Tên đề tài:
2. Chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, mã số: 9140111
3. Họ và tên học viên:
4. Họ và tên cán bộ đánh giá:
5. Đơn vị công tác:
6. Ngày bảo vệ: Ngày tháng năm 20
7. Địa điểm:
8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ số: /QĐ.....
ngày/ /20 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức
9. Đánh giá Luận án:

Tiêu chí đánh giá	Các chỉ báo đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của GV
I. Chuyên đề (điểm)		(8.0)	
Đặt vấn đề	Nêu được tính cấp thiết của chuyên đề, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của chuyên đề.	1.0	
1. Cơ sở lí luận	Nêu đầy đủ các lí thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án	1.0	
2. Phương pháp nghiên cứu	Nêu được cách thức, mô hình, phương pháp nghiên cứu, cách thức chọn mẫu nghiên cứu và công cụ phân tích ngữ liệu.	1.0	
3. Thực trạng vấn đề nghiên cứu và kết quả nghiên cứu	Phân tích đánh giá được thực trạng nghiên cứu, tìm ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế làm căn cứ tin cậy đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.	1.0	
4. Giải pháp và kiến nghị	Nêu được định hướng phát triển vấn đề nghiên cứu, các giải pháp hoàn thiện, phát triển, nâng cao vấn đề nghiên cứu.	1.0	
Kết luận	Khái quát được những nội dung đã tìm hiểu, phân tích được trong chuyên đề.	1.0	
Tài liệu tham	Tài liệu phải được trích dẫn và sử dụng đầy đủ trong	1.0	

khảo	chuyên đề. Cách trình bày tài liệu tham khảo được trình bày theo đúng quy định.		
Hình thức	Bố cục hợp lý, tổ chức các chương mục rõ ràng, logic.	0.5	
	Trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng đúng quy định. Ngôn ngữ chuẩn mực không có sai sót về chính tả, ngữ pháp.	0.5	
II. Bảo vệ chuyên đề trước Hội đồng		2.0	
Phân báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề trước Hội đồng	Trình bày báo cáo rõ ràng, đúng trọng tâm của đề tài, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng các phương tiện nghe nhìn	1.0	
Phản trả lời câu hỏi	Trả lời các câu hỏi của Hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện tốt năng lực bảo vệ luận án.	1.0	
Tổng cộng		10.0	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Thành viên Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ

(Ký và ghi rõ họ tên)



8. Phiếu đánh giá Luận án tiến sĩ
UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Dùng cho các thành viên Hội đồng trong buổi đánh giá luận án cấp trường)

Họ tên người đánh giá:.....
 Trách nhiệm trong Hội đồng:
 Cơ quan công tác:
 Họ tên Nghiên cứu sinh:
 Tên đề tài luận án:

Chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, mã số: 9140111

Ngày bảo vệ: Ngày tháng năm 20

Địa điểm:

8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ số: /QĐ.....
 ngày/ /20 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

(Chỉ đánh dấu x vào ô trống dưới đây)

* Tán thành:	
* Không tán thành:	
* Xuất sắc:	

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Thành viên Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ

(Ký và ghi rõ họ tên)

